

Số: **29** /QĐ-BVHTTDL

Hà Nội, ngày **05** tháng **01** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ Đại hội Thể thao toàn quốc
lần thứ VIII năm 2018**

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 79/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 4171/QĐ-BVHTTDL ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phê duyệt “Đề án tổ chức Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018”;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Điều lệ Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thể dục thể thao, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan quản lý Thể dục thể thao các ngành, các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, thành viên Ban Tổ chức Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- UBND TP. Hà Nội và UBND tỉnh Hòa Bình;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng;
- Các Vụ, đơn vị có liên quan thuộc Bộ và Tổng cục TDTT;
- Lưu: VT, TCTDTT, Vũ (150).



Nguyễn Ngọc Thiện

ĐIỀU LỆ

ĐẠI HỘI THỂ THAO TOÀN QUỐC LẦN THỨ VIII NĂM 2018

*(Ban hành theo Quyết định số 29 /QĐ-BVHTTDL ngày 05 tháng 1 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

1. Tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của các cấp, các ngành về ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của thể dục thể thao nói chung và thể thao thành tích cao nói riêng trong tình hình mới, qua đó tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tạo bước phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục thể thao và nâng cao thành tích các môn thể thao.

2. Thông qua quá trình chuẩn bị lực lượng vận động viên tham dự Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018 (sau đây viết tắt là Đại hội), khuyến khích các địa phương tích cực đào tạo vận động viên tài năng, chuẩn bị lực lượng tham dự SEA Games năm 2019, Olympic 2020 và các Đại hội, giải thể thao quốc tế khác.

3. Nâng cao trình độ tổ chức, điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, trọng tài sẵn sàng tổ chức thành công các Đại hội thể thao quốc tế tại Việt Nam.

4. Căn cứ kết quả của Đại hội, đánh giá lực lượng, trình độ phát triển thể thao thành tích cao của các ngành và địa phương trong cả nước giai đoạn 2014 - 2018, làm tiền đề xây dựng kế hoạch phát triển Thể thao thành tích cao những năm tiếp theo.

Điều 2. Yêu cầu

1. Đại hội được tổ chức trang trọng, an toàn và tiết kiệm; tích cực huy động các nguồn lực xã hội đóng góp vào việc tổ chức Đại hội.

2. Các tập thể và cá nhân tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đại hội, Luật và Điều lệ thi đấu của từng môn thể thao. Các vận động viên tham dự thi đấu với tinh thần đoàn kết, trung thực, cao thượng, phấn đấu giành thành tích cao nhất.

3. Điều hành thi đấu công bằng, chính xác theo đúng Luật thi đấu và Điều lệ Đại hội; chống mọi hành vi tiêu cực, bạo lực trong thi đấu.

4. Nâng cao vai trò của các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia trong việc tổ chức thi đấu các môn thể thao tại Đại hội.

Điều 3. Biểu tượng Đại hội

Biểu tượng của Đại hội có hình tròn; vành ngoài phía trên có hàng chữ “Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII”, phía dưới có 2 bông lúa vàng; phía trong của biểu tượng có 3 đường chạy bắt chéo nhau thành hình chữ V màu đỏ, phía trên là ngôi sao vàng, phía dưới là số 2018.

Điều 4. Đối tượng và điều kiện tham dự

1. Đoàn thể thao tham dự Đại hội:

1.1. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các ngành Quân đội, Công an được thành lập một đoàn thể thao mang tên địa phương, ngành mình tham dự Đại hội (sau đây gọi tắt là đoàn thể thao).

1.2. Thành phần của đoàn thể thao gồm có: Trưởng đoàn, Phó trưởng đoàn, cán bộ, lãnh đội, huấn luyện viên, chuyên gia, bác sỹ và các vận động viên.

1.3. Mỗi vận động viên hoặc đội thể thao (đối với các môn tập thể) chỉ được đăng ký thi đấu cho một đoàn thể thao.

1.4. Số lượng huấn luyện viên, vận động viên và các thành viên khác được đăng ký theo quy định tại điều lệ thi đấu từng môn thể thao.

2. Các đơn vị, địa phương không có môn thể thao tham gia thi đấu trong hệ thống quốc gia giai đoạn từ 2010 - 2017 không được đăng ký tham dự môn thể thao đó tại Đại hội.

3. Vận động viên:

3.1. Vận động viên tham dự Đại hội phải là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không trong thời gian bị Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, quốc tế hoặc bị cơ quan quản lý, sử dụng vận động viên kỷ luật cấm thi đấu.

3.2. Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký thi đấu ở một môn thể thao.

3.3. Vận động viên được quyền đăng ký thi đấu cho địa phương, ngành khi có một trong các điều kiện sau:

- Có hộ khẩu thường trú tại địa phương.
- Có giấy xác nhận là vận động viên của ngành do Cục Quân huấn, Bộ Quốc phòng hoặc Tổng cục Chính trị Công an nhân dân, Bộ Công an cấp.
- Có hợp đồng sử dụng vận động viên hoặc hợp đồng chuyển nhượng vận động viên hợp pháp được ký kết trước ngày 15 tháng 01 năm 2018 (Hợp đồng này phải nộp cho Ban tổ chức Đại hội trước ngày 15 tháng 02 năm 2018).

3.4. Trường hợp vận động viên không có hộ khẩu thường trú tại địa phương, không có giấy xác nhận của ngành hoặc khi xảy ra tranh chấp vận động

viên giữa các đoàn thì Ban Tổ chức Đại hội sẽ căn cứ vào hợp đồng sử dụng vận động viên hoặc hợp đồng chuyển nhượng vận động viên để xem xét, giải quyết.

Điều 5. Thời gian và địa điểm thi đấu

1. Thời gian: Dự kiến từ ngày 25 tháng 11 đến ngày 10 tháng 12 năm 2018 (thời gian cụ thể Ban Tổ chức Đại hội sẽ thông báo sau).

2. Địa điểm: Thành phố Hà Nội và tỉnh Hòa Bình.

Điều 6. Đăng ký thi đấu

1. Thời gian đăng ký:

1.1. Đăng ký sơ bộ trước ngày 01 tháng 8 năm 2018.

1.2. Đăng ký chính thức trước ngày 01 tháng 10 năm 2018.

2. Hồ sơ đăng ký tham dự:

2.1. Đối với đăng ký sơ bộ: Theo quy định của Điều lệ từng môn thể thao.

2.2. Đối với đăng ký chính thức:

- Danh sách đoàn, đội thể thao của địa phương, ngành do Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Lãnh đạo Cục Quân huấn, Bộ Quốc phòng, Lãnh đạo Tổng cục Chính trị Công an nhân dân, Bộ Công an ký, đóng dấu.

- Danh sách đăng ký vận động viên cho từng môn thi, ghi đầy đủ các nội dung theo quy định của từng môn, kèm theo:

+ Bản sao chứng minh nhân dân có công chứng.

+ Hợp đồng sử dụng hoặc hợp đồng chuyển nhượng (bản công chứng).

+ Giấy khám sức khỏe do bệnh viện cấp tỉnh (đối với các đoàn thể thao tỉnh, thành phố) hoặc bệnh viện của ngành (đối với ngành Quân đội, Công an) cấp trong thời hạn không quá 60 ngày tính đến ngày tổ chức môn thi.

+ 02 ảnh màu cỡ 4×6cm.

3. Nơi nhận đăng ký:

Thường trực Ban Tổ chức Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018, Tổng cục Thể dục thể thao, số 36 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội.

Điều 7. Kinh phí tổ chức và tham dự

1. Các tỉnh/thành, ngành chi toàn bộ kinh phí tham dự Đại hội cho Đoàn thể thao của địa phương, đơn vị mình.

2. Tổng cục Thể dục thể thao, địa phương đăng cai thi đấu chi kinh phí tổ chức thi đấu từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác (Bản quyền truyền hình, tài trợ, bán vé, ...).

3. Địa phương đăng cai tổ chức các môn thể thao trong chương trình Đại hội lập dự toán thu, chi tổ chức các cuộc thi đấu trình Tổng cục Thể dục thể thao xem xét, quyết định.

Chương II **NỘI DUNG THI ĐẤU VÀ XẾP HẠNG**

Điều 8. Số môn thi và nội dung thi đấu

Đại hội tổ chức 36 môn với 743 nội dung (có phụ lục kèm theo).

Điều 9. Thể thức thi đấu

1. Tính chất các cuộc thi đấu: Thi đấu cá nhân, đồng đội và tập thể
2. Mỗi nội dung thi đấu chỉ tổ chức khi có 04 vận động viên hoặc 04 đội của 04 địa phương (đơn vị) trở lên đăng ký tham dự (đối với môn Thể dục dụng cụ mỗi nội dung thi đấu chỉ tổ chức khi có 04 vận động viên hoặc 04 đội của 03 địa phương (đơn vị) trở lên đăng ký tham dự).

Điều 10. Đánh giá kết quả

1. Ban Tổ chức sẽ căn cứ vào số huy chương vàng, bạc, đồng đạt được của các địa phương, ngành để xếp hạng toàn đoàn.

Đoàn xếp hạng cao nhất là đoàn có số lượng huy chương vàng nhiều nhất. Trường hợp có số huy chương vàng bằng nhau thì xét tổng số huy chương bạc; nếu số huy chương vàng và huy chương bạc bằng nhau thì xét tổng số lượng huy chương đồng. Trường hợp các địa phương, đơn vị có số lượng huy chương vàng, bạc và đồng bằng nhau thì xếp đồng hạng.

2. Ban Tổ chức sẽ đánh giá kết quả thi đấu tương tự như cách xếp hạng chung của Đại hội đối với 19 tỉnh miền núi gồm: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái, Lào Cai, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hà Giang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Kon Tum.

Chương III **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**

Điều 11. Khen thưởng

1. Tặng cờ của Ban Tổ chức Đại hội cho 10 đoàn xếp hạng từ thứ 01 đến thứ 10 và tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho các đoàn xếp hạng từ thứ 11 đến thứ 20 tại Đại hội.
2. Tặng cờ của Ban Tổ chức Đại hội cho 05 đoàn xếp hạng từ thứ 01 đến thứ 05, tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho 05 đơn vị xếp từ thứ 06 đến thứ 10 đối với 19 tỉnh miền núi.
3. Tặng huy chương vàng, bạc, đồng cho các cá nhân, đồng đội, tập thể đạt thành tích cao theo quy định của Điều lệ thi đấu từng môn thể thao.

4. Tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho các cán bộ, trọng tài có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 12. Kỷ luật

Các tập thể, cá nhân vi phạm Điều lệ Đại hội, Luật hoặc Điều lệ các môn thi khi tham dự thi đấu sẽ bị kỷ luật theo quy định của Đại hội.

Điều 13. Giải quyết khiếu nại

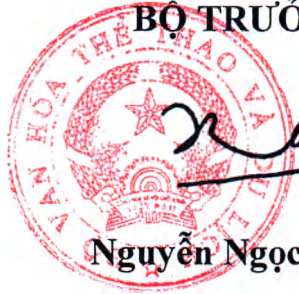
1. Trưởng đoàn, huấn luyện viên trưởng có quyền khiếu nại và phải nộp đơn khiếu nại kèm theo lệ phí 500.000 đồng/lượt cho Ban Tổ chức môn thi.

2. Ban Tổ chức cuộc thi từng môn thể thao phải xem xét, giải quyết các khiếu nại trong thời gian quy định của Luật và Điều lệ thi đấu môn thể thao và phải gửi văn bản trả lời cho các đơn vị có liên quan, đồng thời báo cáo lên Ban Tổ chức Đại hội. Các tập thể, cá nhân có liên quan phải tuân thủ các quyết định của Ban Tổ chức môn thi. Trường hợp quyết định giải quyết của Ban Tổ chức môn thi chưa thỏa đáng, các đơn vị có quyền khiếu nại lên Ban Tổ chức Đại hội. Quyết định của Ban Tổ chức Đại hội là quyết định cuối cùng.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần phản ánh kịp thời đến Ban tổ chức Đại hội xem xét, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định./

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Thiện

Phụ lục

Nội dung thi đấu của các môn trong chương trình Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ VIII năm 2018
(Ban hành theo Quyết định số 29 /QĐ-BVHTTDL ngày 05 tháng 1 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

TT	Môn	Phân môn	Số lượng nội dung	Nội dung cụ thể	Ghi chú
1	Thể thao dưới nước	Bơi	43	Nam, Nữ: Tự do: 50m; 100m; 200m; 400m; 800m; 1500m. Bướm: 50m; 100m; 200m. Ngửa: 50m; 100m; 200m. Éch: 50m; 100m; 200m. Hỗn hợp: 200m; 400m. Tiếp sức tự do: 4x100m; 4x200m. Tiếp sức hỗn hợp 4x100m. Tiếp sức phối hợp nam – nữ: Tự do 4x100m; 4x200m. Hỗn hợp 4x100m.	
		Nhảy cầu	13	Nam, Nữ: Cầu mềm: đơn 1m; đơn 3m; đôi 3m mềm. Cầu cứng: đơn; đôi Đôi Nam-Nữ phối hợp: cầu cứng; cầu mềm 3 m. Đồng đội.	
2	Lặn		26	Nam, Nữ: tốc độ 50m. Khí tài: 100m; 400m. Chân vịt đôi: 50m; 100m; 200m. Tiếp sức vòi hơi chân vịt: 4 x 100m; 4 x 200m. Lặn vòi hơi chân vịt: 50m; 100m; 200m; 400m; 800m (cho nữ); 1500m (cho nam).	
3	Đua thuyền	Canoeing	33	Nam 200m: K1; K2; K4; C1; C2. Nam 500m: K1; K2; K4; C1; C2; C4. Nam 1.000m: K1; K2; C1; C2; C4. Nữ 200m: K1; K2; K4; C1; C2; C4. Nữ 500m: K1; K2; K4; C1; C2; C4. Nữ 1.000m: K1; K2; K4; C1; C2.	
		Rowing	19	Nam: LM1x; M1x; M2-; LM2x; M2x; LM2-; M4-; M4X; LM4X; LM4- Nữ: LW1x; W1x; W2-; LW2x; W2x; LW2-; W4-; W4X; LW4X.	
4	Cử tạ		48	Nam cử giật, cử đẩy, tổng cử: 56kg; 62kg; 69kg; 77kg; 85kg; 94kg; 105kg và trên 105kg. Nữ cử giật, cử đẩy, tổng cử: 48kg; 53kg; 58kg; 63kg; 69kg; 75kg; 90kg và trên 90kg.	

5	Bóng đá	Bóng đá nam	1	Nam	
		Bóng đá nữ	1	Nữ	
		Futsal	1	Futsal nam	
6	Bóng bàn		7	Nam, Nữ: Đồng đội; đơn; đôi. Đôi nam nữ.	
7	Bóng rổ	5x5	2	Nam; nữ.	
		3x3	2	Nam; nữ.	
8	Bóng ném		2	Nam; nữ.	
9	Bóng chuyền	Bóng chuyền bãi biển	2	Nam; nữ.	
		Bóng chuyền trong nhà	2	Nam; nữ.	
10	Cầu lông		7	Nam, Nữ: Đồng đội; đơn; đôi. Đôi nam nữ.	
11	Cầu mây		12	Nam, Nữ: Đồng đội bốn; Đồng đội ba; Đồng đội đôi; Đội tuyển bốn; Đội tuyển ba; Đội tuyển đôi.	
12	Quần vợt		7	Nam, Nữ: Đồng đội; đơn; đôi. Đôi nam-nữ.	
13	Bowling		12	Nam, Nữ: Đơn; đôi; đồng đội 3; đồng đội 5; Master; toàn năng.	
14	Golf		4	Nam, Nữ: Đồng đội; đơn.	
15	Bi sắt		11	Nam, Nữ: đơn; đôi; kỹ thuật; bộ ba. Đôi nam nữ; Bộ ba 2 nam 1 nữ; Bộ ba 2 nữ 1 nam.	
16	Bi a		11	Nam: Carom 3 băng; Carom 1 băng; Snooker 6 bi đỏ; English Billiards; Pool 9-ball; Pool 10-ball. Đôi Nam: Pool 9-ball; Snooker 6 bi đỏ; English Billiards. Nữ: Pool 9- ball, Pool 10-ball.	
17	Thể hình		16	Nam: 55kg, 60kg, 65kg, 70kg, 75kg, 80kg, 85kg, 90kg. Nữ: 46kg, 49kg, 52kg, + 52kg. Fitness: 155cm, 160cm, 165cm, + 165cm.	

18	Cờ vua	12	Cờ tiêu chuẩn: cá nhân nam, cá nhân nữ. Cờ nhanh: cá nhân nam, cá nhân nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam nữ. Cờ chớp: cá nhân nam, cá nhân nữ, đồng đội nam, đồng đội nữ, đôi nam nữ.	
19	Đá cầu	9	Nam, Nữ: đơn, đôi, đội tuyển, đồng đội. Đôi nam – nữ.	
20	Karatedo	24	Kata cá nhân Nam, Nữ; Kata đồng đội Nam, Nữ Kumite đồng đội Nam: nhóm 1; nhóm 2 Kumite đồng đội Nữ: nhóm 1; nhóm 2 Kumite Nam: -50kg, -55kg, -60kg, -67kg, -71kg, -75kg, -80kg, -84kg, +84kg. Kumite Nữ: -44kg, -47kg, -50kg, -55kg, -61kg, -68kg, +68kg.	
21	Judo	20	Nữ: - 42 kg, -45 kg, -48 kg, -52 kg, -57 kg, -63 kg, -70 kg, -78 kg và +78kg Nam: -50 kg, -55 kg, -60 kg, -66 kg, -73 kg, -81 kg, -90 kg, -100kg và +100kg Đối kháng đồng đội nam; Đối kháng đồng đội nữ	
			Nữ: - 45kg, - 48 kg, - 52 kg, - 56 kg, - 60 kg, - 65 kg, - 70 kg và - 75 kg. Nam: -48 kg, - 52 kg, - 56kg, - 60 kg - 65 kg - 70 kg, - 75 kg, - 80 kg và - 85 kg.	
22	Wushu	42	Taolu Nam, Nữ: Trường quyền, Kiếm thuật, Thương thuật, Dao thuật, Côn thuật, Nam quyền, Nam đao, Nam côn, Thái cực quyền, Thái cực kiếm, Thái cực quyền Trần gia - Thái cực kiếm Trần gia, Thái cực quyền Dương gia - Thái cực kiếm Dương gia. Biểu diễn tập thể: Đối luyện nam	
23	Taekwondo	23	Nữ: -46 kg, -49 kg, -53 kg, - 57 kg, -62 kg, -67 kg, -73 kg và + 73kg. Nam: -54 kg, -58 kg, -63 kg, -68 kg, -74 kg, -80 kg, -87 kg và + 87kg. Đối kháng đồng đội nam, đối kháng đồng đội nữ Quyền cá nhân nam, Quyền cá nhân nữ, Đồng đội nam, Đồng đội nữ, Đôi nam-nữ	
24	Boxing	22	- Nam: -45kg, -49kg, -52kg, -56kg, -60kg, -64 kg, -69kg, -75kg, -81kg, -91kg và +91kg. - Nữ: -45kg, -48kg, -51kg, -54kg, -57kg, -60kg, -64kg, -69kg, -75kg, -81kg và +81kg.	

25	Vovinam		20	Nam: - 51kg, -54kg, -57kg, - 60kg, -64kg, -68kg. Nữ: -48kg, -51kg, -54kg, -57kg, - 60kg, -63kg. Nội dung quyền: Đơn luyện tay không nữ: Viên phương quyền; Đơn luyện vũ khí nữ: Thái cực đơn đao pháp; Song luyện tay không nữ: Song luyện 3; Song luyện vũ khí nữ: Song luyện kiếm; Đơn luyện vũ khí nam: Nhật nguyệt đại đao pháp; Song luyện tay không nam: Song luyện vật 2; Song luyện vũ khí nam: Song luyện mã tấu; Đòn chân tấn công nam.	
26	Pencak Silat		26	Nữ: -45 kg, -50 kg, -55 kg, -60 kg, -65 kg, -70 kg, -75 kg và + 75kg. Nam: -45 kg, -50 kg, -55 kg, -60 kg, -65 kg, -70 kg, -75 kg, -80 kg, -85 kg, -90 kg, -95 kg và + 95kg. Quyền tiêu chuẩn: Nam, Nữ: Cá nhân; đôi; đồng đội.	
27	Muay		18	Nữ: - 51 kg, -54 kg, -57 kg, -60 kg, -63.5 kg, -67 kg, -71 kg và -75 kg. Nam: -51 kg, -54 kg, -57 kg, -60 kg, -63.5 kg, -67 kg, -71 kg, -75 kg, -81 kg và -86 kg.	
28	Vật		28	Vật cổ điển: 55kg, 59kg, 66kg, 71kg, 75kg, 80kg, 85kg, 98 kg, 130 kg. Vật tự do nam: 54kg, 57kg, 61kg, 65kg, 70kg, 74kg, 86kg, 97kg, 125kg. Vật tự do nữ: 44kg, 48kg, 51kg, 53kg, 55kg, 58kg, 60kg, 63kg, 69kg, 75 kg.	
29	Xe đạp	Đường trường	14	Đường trường: Nam: 51km cá nhân tính điểm; 40km cá nhân tính giờ; 500m cá nhân tốc độ; 4km cá nhân tính giờ cự ly ngắn; 4km đồng đội tính giờ cự ly ngắn; 80km đồng đội tính giờ; 160km cá nhân xuất phát đồng hàng và đồng đội; Nữ: 30,6km cá nhân tính điểm; 30km cá nhân tính giờ; 500m cá nhân tốc độ; 3km cá nhân tính giờ cự ly ngắn; 3km đồng đội tính giờ cự ly ngắn; 50km đồng đội tính giờ; 100km cá nhân xuất phát đồng hàng và đồng đội	
		Địa hình	8	Địa hình: Nam: 4km cá nhân tính giờ băng đồng; 3 x 4km tiếp sức băng đồng; 30km cá nhân băng đồng Olympic và đồng đội; 1,5km cá nhân đổ đèo. Nữ: 4km cá nhân tính giờ Băng đồng; 3 x 4km tiếp sức Băng đồng; 20km cá nhân băng đồng Olympic và đồng đội; 1,5km cá nhân đổ đèo.	
30	Đấu kiếm		12	Nam, Nữ: kiếm chém, kiếm ba cạnh, kiếm liễu . Đồng đội: kiếm chém nam, kiếm chém nữ, kiếm ba cạnh nam, kiếm ba cạnh nữ, kiếm liễu nam, kiếm liễu nữ	

31	Bắn cung		30	Cung 1 dây, Nam: Toàn năng (70m x 2); Cự ly: 90m; 70m; 50m; 30m; đối kháng cá nhân; Đồng đội (04 VĐV). Cung 1 dây, Nữ: Toàn năng (70m x 2); Cự ly: 70m; 60m; 50m; 30m; đối kháng cá nhân; Đôi nam, nữ; Đồng đội (04 VĐV) Cung 3 dây, Nam: Toàn năng (50m x 2); Cự ly: 90m; 70m; 50m; 30m; đối kháng cá nhân; Đồng đội (04 VĐV) Cung 3 dây, Nữ: Toàn năng (50m x 2); Cự ly: 70m; 60m; 50m; 30m; đối kháng cá nhân; Đôi nam, nữ; Đồng đội (04 VĐV)	
32	Bắn súng		46	Nữ cá nhân, nữ đồng đội: 10m Súng trường hơi 40 viên; 10m Súng trường hơi di động tiêu chuẩn 20+20; 10m Súng trường hơi di động hỗn hợp 40 viên; 10m Súng ngắn hơi 40 viên; 25m Súng ngắn thể thao 30+30; 50m Súng trường thể thao nằm bắn 60 viên; 50m Súng trường thể thao 3 tư thế 3x20. Nam cá nhân, nam đồng đội: 10m Súng trường hơi 60 viên; 10m Súng ngắn hơi 60 viên; 10m Súng trường hơi di động tiêu chuẩn 30+30; 10m Súng trường hơi di động hỗn hợp 40 viên; 25m Súng ngắn bắn nhanh 2x30; 25m Súng ngắn tiêu chuẩn 3x20; 25m Súng ngắn ổ quay 30+30; 50m Súng trường tự chọn nằm bắn 60 viên; 50m Súng trường tự chọn 3 tư thế 3x40; 50m Súng ngắn tự chọn 60 viên; Bắn đĩa bay: Nam, nữ và đồng đội: Skeet; Trap; Double Trap.	
33	Thể dục	Thể dục dụng cụ	14	Nam: Đồng đội; toàn năng; thể dục tự do; ngựa vòng; vòng treo; nhảy chống; xà kép; xà đơn. Nữ: Đồng đội; toàn năng; xà lệch; cầu thăng bằng; thể dục tự do; nhảy chống.	
		Thể dục Aerobic	10	IW; IM; Mixed pairs; Trios; Groups; Aerobic Dance; Aerobic Step. Mixed pairs AG2; Trios AG2; Groups AG2.	
34	Khiêu vũ thể thao		12	5 điệu Standard; Waltz; Viennes Waltz; Tango; Quickstep; Slow Foxtrot. 5 điệu Latin; Chachacha; Rumba; Jive; Samba, Paso Doble.	

35	Điền kinh	49	Nam: 100m, 200m, 400m, 800m, 1.500m, 5.000m, 10.000m, 110m rào, 400m rào, 3.000m CNV, TS 4x100m, TS 4x400m, TS4x800m, Đi bộ 20 km, Marathon, Nhảy cao, Nhảy xa, Nhảy 3 bước, Nhảy sào, Đẩy tạ, Ném lao, Ném đĩa, Ném búa, 10 môn phối hợp. Nữ: 100m, 200m, 400m, 800m, 1.500m, 5.000m, 10.000m, 100m rào, 400m rào, 3.000m CNV, TS 4x100m, TS 4x400m, TS4x800m, Đi bộ 20 km, Marathon, Nhảy cao, Nhảy xa, Nhảy 3 bước, Nhảy sào, Đẩy tạ, Ném lao, Ném đĩa, Ném búa, 7 môn phối hợp. Hỗn hợp 4x400 m nam-nữ.	
36	Võ cổ truyền	22	Nam: 50kg; 55 kg; 60 kg; 65 kg; 70 kg; 75 kg; 80 kg; 85 kg và 90 kg. Nữ: 48 kg; 52 kg; 56 kg; 60 kg; 65 kg; 70 kg và 75 kg. Quyền: Ngọc trấn quyền + 01 bài tự chọn binh khí dài hoặc binh khí ngắn; Lão mai quyền + 01 bài tự chọn binh khí dài hoặc binh khí ngắn; Phong hoa đao + 01 bài tự chọn binh khí dài hoặc quyền tay không; Thanh long độc kiếm + 01 bài tự chọn binh khí dài hoặc quyền tay không; Siêu xung thiên + 01 bài tự chọn binh khí ngắn hoặc quyền tay không; Bát quái côn + 01 bài tự chọn binh khí ngắn hoặc quyền tay không.	
	Cộng	743		

tu ✓